

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tuấn Anh

2. Bà Phạm Thị Em

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị K**, sinh năm 1976; ĐKTT: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Hà Thanh P**, sinh năm 1976; Trú tại: Số F; ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Phan Thị K trình bày:

Bà K và ông Hà Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2022. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân. Do không còn tình cảm với ông P nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà K được ly hôn với ông Hà Thanh P, bà K không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Thanh P vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông P, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị K có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Hà Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông P là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Hà Thanh P có nơi cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Hà Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2022 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P. Quá trình giải quyết vụ án, bà K cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng vắng mặt. Điều này cho thấy bà K và ông P đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà K và ông P không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà K và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông P là phù hợp quy định pháp luật. Bà K tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận. Ông P vắng mặt không có lời trình bày về yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên không xem xét.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà K, khai không có; ông P vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà K phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị K đối với ông Hà Thanh P. Bà Phan Thị K được ly hôn với ông Hà Thanh P. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị K và ông Hà Thanh P chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Phan Thị K, không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

Ông P vắng mặt không có lời trình bày về yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Bà Phan Thị K, khai không có; ông Hà Thanh P vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị K, khai không có; ông Hà Thanh P vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị K phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006555 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Phan Thị K đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Đức;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Hiền